

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân thụ lý số 189/2021/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn Phạm Thị Thanh H, sinh năm 1977

Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện B, tỉnh Bến Tre

Bà H ủy quyền trong vấn đề liên quan chia tài sản chung cho ông Đinh Văn N1, sinh năm 1977

Địa chỉ: ấp Q, xã T1, huyện L, tỉnh Bến Tre

Bị đơn Tô Vũ T2, sinh năm 1975

Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện B, tỉnh Bến Tre

Ông T2 ủy quyền trong vấn đề liên quan chia tài sản chung, nợ chung cho ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1993

Địa chỉ: ấp T3, xã TA, huyện B, tỉnh Bến Tre

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng N – Chi nhánh huyện B, tỉnh Bến Tre

Đại diện theo pháp luật: ông Đinh Văn T4 – Giám đốc chi nhánh

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 9 năm 2022

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 9 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Thanh H và anh Tô Vũ T2

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Có 02 con chung Tô Vũ P, sinh ngày 25 tháng 12 năm 1995; Tô Hoài P1, sinh ngày 14 tháng 5 năm 2002; chị H và anh T2 thống nhất hai cháu đã trưởng thành nên không đề cập.

- Về tài sản chung: chị Phạm Thị Thanh H và anh Tô Vũ T2 thống nhất: anh Tô Vũ T2 sẽ có nghĩa vụ giao lại cho chị Phạm Thị Thanh H số tiền 70.000.000 đồng. Anh Tô Vũ T2 được sở hữu căn nhà có hiện trạng: Móng, cột khung dầm, bê tông cốt thép tường bao che ngăn phòng, xây gạch dày 100mm, không trần, chưa tô, chưa hoàn thiện

(chưa gắn cửa; cửa phòng) nền láng xi măng, mái tole giả ngói; diện tích 12m x 8m = 96m².

Đối với phần đất thuộc thửa số 239 tờ bản đồ số 14. Tọa lạc ấp T, xã N, huyện B, tỉnh Bến Tre chị H và anh T2 thống nhất là tài sản riêng của ông T2 không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Do Ngân hàng N – Chi nhánh huyện B, tỉnh Bến Tre không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Chị Phạm Thị Thanh H và anh Tô Vũ T2 thỏa thuận anh Tô Vũ T2 trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị Phạm Thị Thanh H tự nguyện nộp 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0002315 ngày 20/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B nên chị Phạm Thị Thanh H còn được nhận lại 150.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 2,5%:

Chị Phạm Thị Thanh H tự nguyện chịu nên phải nộp số tiền 1.750.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.057.000 đồng theo biên lai thu số 0002316 ngày 20/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre nên còn chị H còn được nhận lại 7.307.000 đồng.

Anh Tô Vũ T2 tự nguyện chịu nên phải nộp số tiền 1.750.000 đồng.

Chi phí tố tụng (đo đạc; định giá; trích lục): 3.608.000 đồng; chị H và anh T2 mỗi người phải chịu 1.804.000 đồng nhưng do Phạm Thị Thanh H đã nộp tạm ứng toàn bộ nên buộc anh Tô Vũ T2 có nghĩa vụ hoàn trả lại cho chị H số tiền 1.804.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre (1b);
- Đường sự (2b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- UBND xã N, huyện B
Số 46 (1 /2002) (1b);
- Chi cục THA DS huyện B (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Văn Đĩnh